

CÁCH SỬ DỤNG **I** VÀ **Y** VÀ NGUYÊN TẮC ĐÁNH DẤU TRONG TIẾNG VIỆT

Lời giới thiệu: bkt xin được hân hạnh giới thiệu đến Quý độc giả một bài nghiên cứu rất công phu của tác giả Khải Chính Phạm Kim Thư bàn về nguyên tắc căn bản khi nào nên dùng các mẫu tự **i** (hay **i ngắn**) và **y** (y dài) trong tiếng Việt.

Như chúng ta đều biết, tiếng Việt có 5 (năm) dấu chính để tạo nên một chữ Việt có ý nghĩa, đó là các dấu sắc (´), huyền (˘), hỏi (?), ngã (~) và dấu nặng (·); và trong bài này tác giả cũng ghi ra những qui tắc bỏ dấu căn bản trên các chữ tiếng Việt. Kính mời Quý vị theo dõi bài viết dưới đây. Trân trọng. –bkt



Nhiều bạn trẻ ta thán rằng khi viết văn, một số người có khuynh hướng đổi “y” thành “i” trong các trường hợp như “Bác Mỹ” thành ra “Bác Mĩ”, “Quý Mùi” thành ra “Quý Mũi” và “thế kỷ” thành ra “thế kỉ”, v.v. Họ yêu cầu tôi viết bài để giúp họ hiểu rõ tại sao lại có những trường hợp như thế. Chính vì thế, chúng tôi mới có động lực để viết bài “Cách Sử Dụng ‘i’ và ‘y’ trong Tiếng Việt.” Muốn hiểu rõ về cách ghép vần với nguyên âm “i” hay “y” và phương pháp đánh dấu trong tiếng Việt, trước hết chúng ta cần ôn lại về các chữ cái (tự mẫu) cũng như các nguyên âm và phụ âm.

I. Nguyên âm và Phụ âm trong Tiếng Việt

Chữ “i” là chữ cái (tự mẫu) thứ 9 trong 23 chữ cái của tiếng Việt và “y” là chữ cái cuối cùng trong 23 chữ cái của tiếng Việt.

23 chữ cái của tiếng Việt gồm có: **a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t, u, v, x, y.**

Trong 23 chữ cái này, có 6 nguyên âm chính: **a, e, i, o, u, y** và 17 phụ âm đơn: **b, c, d, đ, g, h, k, l, m, n, p, q, r, s, t, v, x.**

Bốn nguyên âm “a, e, o, u” trong số 6 nguyên âm chính “a, e, i, o, u, y” này còn có thêm các dấu nữa: **ă, â, ê, ô, ơ, u.**

Nên 4 nguyên âm này trở thành 10 nguyên âm: **a, ă, â, e, ê, o, ô, ơ, u, ư.**

Chính vì lý do này mà tiếng Việt có tất cả 12 nguyên âm: **a, ă, â, e, ê, i, o, ô, ơ, u, ư, y.**

Ngoài 17 phụ âm đơn, tiếng Việt còn có các phụ âm kép.

Các phụ âm kép do hai hay ba phụ âm đơn làm thành: **ch, gh, kh, ng, ngh, nh, ph, th, tr** hoặc do một phụ âm đơn và một nguyên âm chính (i hay u) làm thành (gi, qu).

Chính vì thế, tiếng Việt có tất cả 28 phụ âm: **b, c, ch, d, đ, g, gh, gi, h, k, kh, l, m, n, ng, ngh, nh, p, ph, q, qu, r, s, t, th, tr, v, x** và 12 nguyên âm: **a, ă, â, e, ê, i, o, ô, ơ, u, ư, y.**

II. Cách Sử Dụng Nguyên Âm “I” và “Y”

Tùy theo mỗi văn và theo nghĩa của mỗi chữ, có những trường hợp ta chỉ được dùng “y” hay “i” để viết, chứ không thể dùng “i” để thay thế cho “y” hay dùng “y” để thay thế cho “i” được. Ở một số trường hợp khác, trong cùng một chữ, có người viết bằng “i” có người viết bằng “y” như trong trường hợp “quí” hay “quý” chẳng hạn. Tuy nhiên, theo phong tục tập quán, hầu hết các nhà văn thường viết các chữ với nguyên âm “y” hơn là “i” khi các chữ này có cùng một nghĩa và phát âm giống nhau. Lý do chính là vì các chữ có nguyên âm “y” trông có vẻ lịch sự, kính trọng, quý mến, trang nhã, mỹ thuật, và đầy tình cảm hơn những chữ viết bằng nguyên âm “i,” chẳng hạn như trong trường hợp của nhóm chữ “quý văn hữu”, “quý ông quý bà”, “quý quan khách”, “quý bạn”, “quý vị”, “quý chiến hữu” hay “quý cụ”, v.v.

A. Những Trường Hợp Có Thể Dùng “I” hay “Y” Cũng Được

Tùy theo tập quán hay thói quen, có người dùng “i” hay “y” để viết cùng một chữ. Dù là được viết dưới dạng bằng nguyên âm “i” hay “y”, nhưng khi được đọc lên thì chữ này vẫn có cùng một âm thanh và cùng một nghĩa.

Thí dụ:

– Ì ạch, ý ạch; ì ra, ý ra; i như, y như; v.v.

– Hi hữu, hy hữu; du hí, du hý; hí đài, hý đài; hí hỏn, hý hỏn; hí hứng, hý hứng; hí họa, hý họa; hí kịch, hý kịch; hí viện, hý viện; hí trường, hý trường; báo hỉ, báo hỷ; hoan hỉ, hoan hỷ; hỷ tín, hỉ tín; v.v.

– Kí cốp, ký cốp; kì cạch, kỳ cạch; kì cọ, kỳ cọ; một li, một ly (millimeter), v.v.

– Mỹ lệ, mĩ lệ; mỹ cảm, mĩ cảm; mỹ mẫn, mĩ mẫn; mỹ miều, mĩ miều; mỹ nữ, mĩ nữ; mỹ nghệ, mĩ nghệ; mỹ nhân, mĩ nhân; mị dân, my dân; v.v.

– Ti tiện, ty tiện; ty tiêu, ti tiêu; tự ty mặc cảm, tự ti mặc cảm; trưởng ty, trưởng ti; năm tý, năm tí; tỳ bà, tì bà; tỳ nữ, tì nữ; tỳ tướng, tì tướng; thị tỳ, thị tì; tỳ thiếp, tì thiếp; tỳ vết, tì vết; tỳ vị, tì vị; tử dụ, tử dụ; một tử đồng, một tử đồng; tử lệ, tử lệ; tử mi, tử mi; tử muội, tử muội; tử như, tử như; tử số, tử số; tử thí, tử thí; tử trọng, tử trọng; năm ty, năm tí; ty nạn, tị nạn; tị nạn, ty nạn; v.v.

– Qui, quy (con rùa); nội qui, nội quy; chính qui, chính quy; vu qui, vu quy; qui chế, quy chế; qui củ, quy củ; qui định, quy định; qui hàng, quy hàng; qui hồi, quy hồi; qui luật, quy luật; qui mô, quy mô; qui nạp, quy nạp; qui phục, quy phục; qui tắc, quy tắc; qui thuận, quy thuận; qui tiên, quy tiên; qui tội, quy tội; qui tụ, quy tụ; qui ước, quy ước; qui y, quy y; quý báu, quý báu; quý danh, quý danh; quý hóa, quý hóa; quý hồ, quý hồ; quý hữu, quý hữu; quý khách, quý khách; Quý Mùi, Quý Mùi; quý nhân, quý nhân; quý nữ, quý nữ; quý ông, quý ông; quý phái, quý phái; quý phi, quý phi; quý quốc, quý quốc; quý san, quý san; quý tòa, quý tòa; quý tộc, quý tộc; quý trọng, quý trọng; quý tử, quý tử; quý vật, quý vật; quý vị, quý vị; quì gói, quỳ gói; quì lạy, quỳ lạy; quì kê, quỳ kê; quì quái, quỳ quái; quì quyết, quỳ quyết; quì sứ, quỳ sứ; quì thân, quỳ thân; thủ quĩ, thủ quỹ; ngân quĩ, ngân quỹ; ký quĩ, ký quỹ; quĩ đạo, quỹ đạo; qui lụy, quy lụy...

Ghi Chú:

* Khi viết văn, nhiều người chỉ ghép phụ âm kép “qu” với nguyên âm “y”. Tuy nhiên, trong vài quyển Tự Điển Việt Nam, tác giả chỉ đề cập trường hợp của các chữ do phụ âm kép “qu” ghép với nguyên âm “i” mà thôi. Còn về phụ âm kép “qu” ghép với nguyên âm “y” thì các tác giả chỉ ghi: “quy, xt qui; quý, xt quí; quy, xt quì; quỳ, xt quĩ; quy, õ xt quĩ; quy, xt quì” (chữ “xt” là dạng viết tắt của “xem từ”). Có quyển tự điển lại ghi “quy (qui),” “quý (quí),” “quỳ (quì),” “quỷ (quĩ),” “quỹ (quĩ),” và “quy (quì).” Điều này có nghĩa là ta dùng “y” hay “i” để viết chữ có cùng một nghĩa cũng được.

* Trong trường hợp danh từ riêng như tên thành phố, tên nước, hay tên người, v.v., nếu các chữ đã được viết bằng “i” hay “y” thì ta không được quyền tự ý thay đổi như trong trường hợp của tên thành phố hay tên người sau đây: Thị xã Qui Nhơn, Mỹ Quốc, Mỹ Châu, tỉnh Mỹ Tho, Mị Châu (con gái vua Thục An Dương Vương lấy Trọng Thủy, con của Triệu Đà), Mị Nương (con gái vua Hùng Vương), GS Doãn Quốc Sỹ, và CH Trần Thy Vân, v.v.

* Khi đánh các dấu sắc, huyền, hỏi, ngã, và nặng lên chữ “quy” hay “qui,” chúng ta phải đánh dấu lên trên nguyên âm “y” hay “i” vì chữ “u” trong chữ phụ âm kép “qu” đã cùng với “q” để biến thành phụ âm kép chứ không còn là một nguyên âm nữa. Trong trường hợp phụ âm kép “th” ghép với vần “ui” hay “uy” thì các dấu phải đánh lên nguyên âm thứ nhất “úi” (thúi) và “úy” (thúy). Nếu nguyên âm thứ 2 có dấu sắc như “uê” hay “uơ” thì các dấu phải đánh lên nguyên âm thứ 2 này “uế” (thuế) và “uở” (thuở). Xin xem tiếp phần “III” nói về Nguyên Tắc Đánh Dấu Trong Tiếng Việt ở dưới đây.

B. Những Chữ Chỉ Được Viết với Nguyên Âm “I”

1. Những Chữ Có Các Vần Sau Đây Chỉ Được Viết với Nguyên Âm “I”: ai, ia, ich, iêc, iêm, iên, iêng, iêp, iết, iêu, im, in, inh, ip, it, iu, oai, oi, ôi, oi, ui, uôi, ui, uoi, v.v.

– Ai: Ai oán, thất bại, cải dạng, chài lưới, dai dẳng, khán đài, gái tơ, âm giai, hài lòng, khai giảng, tương lai, mái nhà, van nài, ngái ngủ, lải nhải, lẽ phải, quái kiệt, rải rác, sai bảo, tai vạ, thái độ, từng trải, vai trò, tiêu xài, v.v.

– Ia: Ìa đá, bia miệng, địa chỉ, đôi hia, trông kìa, khía cạnh, lia lịa, mĩa mai, cái nĩa, nghĩa cử, tứ phía, châu rìa, sĩa xuống, tia sáng, cái thìa, tría lịa, hú vía, xĩa răng, v.v.

– Ich: Ích lợi, bích chương, chích thuốc, xê dịch, mục đích, hích nhau, đả kích, khiêu khích, lý lịch, tĩn mịch, chậ ních, nghịch ngợm, nhúc nhích, phình phịch, cũ rích, sình sịch, diện tích, sở thích, chỉ trích, xích đạo, v.v.

– Iêc: Xanh biếc, chiếc thuyền, cá diếc, điếc tai, liếc mắt, mắng nhiếc, thương tiếc, âm thiếc, công việc, xem xiếc, v.v.

– Iêm: Châm biêm; chiêm ngưỡng, bao diêm, điêm lành, hiêm hoi, kiêm hiệp, liêm sĩ, niêm luật, truyền nhiễm, chuyện phiếm, siêm nịnh, tiêm thuốc, thêm thiệp, viêm lương, Xiêm La, v.v.

– Iên: Biên bản, chiến tranh, diễn thuyết, diên đảo, hiên ngang, kiên cố, xui khiến, liên bang, miền xuôi, nghiên cứu, tất nhiên, luân phiên, trước tiên, thiên vị, triền miên, viên mãn, xiên xẹo, v.v.

– Iêng: Biêng nhác, chiêng trống, chét điếng, thánɡ giêng, hiêng hiêng, kiêng khem, khiêng vác, liêng xiêng, súc miệng, nghiêng ngửa, riêng biệt, siêng học, hòm siêng, mang tiếng, linh thiêng, xiêng xích, v.v.

– Iêp: Ngọc diệp, trùng điệp, hiệp đáp, duyên kiếp, khiếp sợ, tầy liếp, cơ nghiệp, nhiếp ảnh, trực tiếp, thiệp mời, v.v.

– Iết: Biết điều, chiết cây, diệt vong, giết giặc, kiệt lực, tinh khiết, quyết liệt, miệt mài, ác nghiệt, nhiệt huyết, quân phiệt, chạy riết, siết chặt, trinh tiết, kiến thiết, triết lý, viết văn, Việt Nam, xiết chặt, v.v.

– Iêu: Phát biểu, chiêu cô, cái điều, điều luyện, hiếu đẽ, kiêu ngạo, cô liêu, văn miếu, nôi niêu, phì nhiêu, phiêu bạt, bún riêu, siêu nhân, tiêu chuẩn, thiếu phụ, thủy triều, xiêu vẹo, v.v.

- Im: Im lặng; bím tóc, con chim, dìm thuyền, him híp, kim chỉ, lim dim, mím cười, con nhím (dím), chiếu phim, rim cá, trái sim, tìm tòi, chú thím, v.v.
- In: In sách, bìn rịn, chín chắn, gìn giữ, kín đáo, mịn màng, nín hơi, nghìn đời, nhịn nhục, đèn pin, phin cà-phê, nước rịn ra (nhỏ ra, rỉ ra), tin cậy, năm thìn, vịn có, xin lỗi, v.v.
- Inh: Inh ỏi, binh lính, chính giữa, dinh dưỡng, đỉnh chung, hình ảnh, kinh đô, khinh bỉ, linh thiêng, minh bạch, an ninh, nghinh chiến, nhìn nhỉnh, má phính, rình mò, sinh khí, tinh khiết, thính giả, vĩnh biệt, xinh đẹp, v.v.
- Ip: Lừa bịp, chíp chíp, dịp may, híp mắt, kịp thì, nhíp điệu, v.v.
- It: Ít ỏi, bịt miệng, chi chít, đá đít, hít hơi, đen kịt, khít khao, lít nước, mịt mờ, con nít, đông nghịt, quít nợ, rú rít, đen sịt, xa tít, thìn thít, con vịt, xít thuốc, v.v.
- Iu: Ỉu xiu, bận bịu, chịu khó, dịu dàng, hiu hắt, kịu kịt, lúu nhúu, núu lại, nhúu mắt, phụng phịu, rúu rít, tiu nghỉu, thiu thối, trùu mền, vúu vào, bé xúu, v.v.
- Oai: Oai hùng, choai choái, đoái hoài, khoái chí, loài vật, năm ngoái, ngoại cảm, mệт nhòai, soái phủ, toại nguyện, thoai mái, xoai xoải, v.v.
- Oi: Oi bức, thầy bói, côi Phật, chọi gà, theo dõi, đòi nợ, gọi dạ bảo vâng, giỏi giang, hói đầu, khỏi bệnh, lời tói, mồi mệт, nòi giống, ngòi bút, nhoi nhói, ròi đèn, soi gương, củ tỏi, thối đời, trói buộc, vòi nước, xoi bói, v.v.
- Ôi: Ôi chao! Bối rối, côi rễ, chồi cây, dồi dào, đôi khi, gọi đầu, giỏi phân, hổi cải, khôi phục, lời thôi, mối tình, nôi dôi, ngòi xuống, nhồi thịt, phối hợp, rối loạn, sôi nổi, tổi cao, thôi thúc, trôi chảy, vôi vãi, xối xả, v.v.
- Oì: Oì trời ơi! Bơi lội, đời đời, đời người, giới thiệu, hơi thở, khởi hành, lợi hại, mới tinh, nơi chốn, ngợi khen, phơi phới, rời khỏi, sợi dây, toi bời, thời sự, trời biển, vời vợi, xối đất, v.v.
- Ui: Ủi quần áo, búi tóc, cúi đầu, chùi tay, dùi trống, đui mù, giúi tiền, húi tóc, khui thùng gạo, lui lui, mui xe, nùi lửa, ngùi ngùi, nhủi vào lỗ, phũi bụi, rui ro, sui gia, túi bụi, thui thui, trụi lui, vui vẻ, xui khiến, v.v.
- Uì: Khung cửi, chửi mắng, gửi thư, gửi hơi, v.v.
- Uôi: Buổi sáng, cuối cùng, chuối hạt, duối chân, đuối ngựa, muối mặt, nuôi dưỡng, nguôi giận, ruối theo, suối vàng, tuối tác, xuôi lòng, v.v.

– Ươi: Quả bưởi, cười hỏi, dưới nước, lười biếng, mùi mười, người ta, rười rượi, lò sưởi, tươi cười, v.v.

2. Những Chữ Sau Đây Chỉ Được Dùng Nguyên Âm “I” Bằng Cách Ghép Phụ Âm Đơn với Nguyên Âm “I”:

– “B-i”: Bi ai, hòn bi, bí ba bí bô, bí mật, quả bí, vận bí, say bí tử, li bì, so bì, phong bì, bì bạch, bì phu, bí sắc tư phong, bí thử, bí mặt, bí cực, bị tù, bị động, phòng bị, bị gây, bị té, v.v.

– “D-i”: Di cư, Di Đà, di tích, man di, tru di, di ngôn, di hài, di họa, di truyền, di vật, dí vào, bẹp dí, đi ghê, đi tai, bắt đắc dĩ, khả dĩ, dĩ nhiên, dĩ vãng, kỳ dị, dị đoan, dị nghị, v.v.

– “Đ-i”: Đi bộ, đi đòi, đi cầu, đi đứt, đi thi, đi tu, đi vắng, đi đò, lò đi, bỏ đi, lệ đi, đi lệ, làm đi, đi đệt đi đùng, dĩ điếm, v.v.

– “G-i”: Gí mũi vào, can gì, có gì đâu, v.v.

– “H-i”: Khóc hi hi, cười hi hi, ngựa hí, hí hớn, hí hoáy, hí hứng, hì hà hì hục, cười hì hì, hỉ mũi, hỉ hả, v.v.

– “K-i”: Ki-lô-mét, một kí, kì kèo, kì (cụ), v.v.

– “L-i”: Li bì, nhỏ li ti, lí la lí lô, lí nhí, lì lợm, lì xì, v.v.

– “M-i”: Mi (mày), mi (nốt đàn), lông mi, mí mắt, bánh mì, Mị Châu, mị dân, Mị Nương, v.v.

– “N-i”: Chỗ ni chỗ nớ (chỗ này chỗ kia), ni cô, nỉ non, nỉ (dạ, len), v.v.

– “R-i”: Khóc như ri, làm ri (làm thế này), nước chảy ri rỉ, nhỏ rí, xanh rì, rì rầm (thì thằm), chậm rì rì, mưa rì rào, mưa rỉ rả, rỉ từng giọt, rỉ tai, rỉ hơi, v.v.

– “S-i”: Cây si, si tình, ngu si, gấn si, đen sì, bán sỉ, liêm sỉ, sỉ nhục, sỉ vả, văn sĩ, kẻ sĩ, sĩ tử, sĩ hoạn, sĩ phu, nghệ sĩ, sĩ quan, binh sĩ, sĩ diện, sĩ khí, v.v.

– “T-i”: Tôn ti trật tự, kẻ tôn người ti, ti hí, ti ma (đề tang 3 tháng), ti toe, ti trúc, ti hí, ti tí, tí ti, tí hon, một tí, tí nhau, tí teo, tí tẹo, tí xiu, tí ti, tí tị, tí nữa, tí chút, tí tách, tí toe tí toét, cậu bé Tí, tí xiu, tí tích, tí hưu, tí tí, tí tay xuống, ngọc tử, tử tê, lòi tử, ganh tị, ghen tị, tị tẹo, v.v.

– “V-i”: Bài vị, bởi vì, cái ví, chu vi, gia vị, hành vi, hiển vi, huyền vi, làm vì, mùi vị, nể vì, ngôi vị, quý vị, tại vì, thay vì, thủ vĩ, từ vị, trị vì, tự vì, vi âm, ví bằng, vi cá (vây cá), vị

chi, vị chi, vĩ đại, vĩ đại, vĩ đạo, vĩ đập ruồi, vì đâu, ví dụ, vị giác, vi hành, vi hiến, vị hôn thê, vị kỷ, vị lai, vị lợi, vị nể, vĩ nhân, ví như, vì rằng, vị tất, vị tha, vị thành niên, vì thế, vị trí, vị trùng, vĩ tuyến, vì vèo, ví von, vị vong nhân, vi vu, vô vị, v.v.

– “X-i”: Xi dài, gấn xi, xi măng, chuồng xí, xí gạt, xí nghiệp, cò xí, xí chỗ, xí phần, xí xóa, xí xa xí xô, xì hơi, xì xào, xì dầu, xì gà, xì xằng, xì xụt, xì xụp, xì xô, bạch xì, xì mũi, xa xỉ, xỉ vả, xỉ mặt ra, v.v.

3. Những Chữ Sau Đây Chỉ Được Dùng Nguyên Âm “I” Bằng Cách Ghép Phụ âm Kép với Nguyên Âm “I”:

“Ch-i”: Làm chi vậy, tứ chi, hình chữ chi, thập nhị chi, chi thu, chi nhánh, chí khí, chi lan, tạp chí, chí hiếu, chí cuối, con chí, hạ chí, bút chì, chỉ chỗ, chỉ biết, sợi chỉ, tôn chỉ, chứng chỉ, cầm chỉ, Giao Chỉ, điểm chỉ, chỉ bảo, chỉ số, chỉ trích, chỉ em, v.v.

“Gh-i”: Ghi chép, ghi nhớ, ôm ghì, v.v.

“Kh-i”: Khi xưa, khinh khi, khi không, khi quân, khi đi, không khí, khí cụ, khí cốt, tức khí, tinh khí, khí cầu, khí hậu, khí phách, khí quản, khí tiết, khí tượng, khí huyết, khí khái, khí sắc, khí vật, đồ khí gió, cười khi, ngủ khi, con khi, khi khô, v.v.

“Ngh-i”: Nghi hoặc, nghi lễ, tiện nghi, nghi gia, nghi ngút, nghi ngoáy, vô nghi, nghi ngơi, nghi ngại, lo nghĩ, hữu nghi, quyết nghị, nghị lực, nghị luận, v.v.

“Nh-i”: Nhi đồng, nhí nhảnh, hạng nhì, nhì nhằng, to nhí, đẹp quá nhí! Nhĩ mục(tai mắt), mọc nhĩ, nhị đào, đệ nhị, nhị tì, Nhị Độ Mai, Nhị Hà, v.v.

“Ph-i”: Chánh phi, phi mỡ, phi cơ, phi tang, phi mã, phi chiến, phi đạn, Phi Châu, Phi Luật Tân, phi tần, phi phạm, phi lý, phí phạm, phát phì, phì cười, phì nhiều, phì phà phì phèo, thờ phì phì, phì lòng, thổ phì, phì bóng, phì chí, phì sức, phì nhồ, phì vào mặt, phì mặt ra, v.v.

“Th-i”: Thi cử, thi sĩ, Kinh Thi, con nhà thi lễ, dòng dõi thi thư, thi hài, cỏ thi, thi ân, thí sinh, thí nghiệm, bố thí, thí mạng, thí phát, thí dụ, đối thì ăn, thì giờ, dậy thì, cây thì là, thì ra, thì thầm, thì thọt, thì thùng, hồ thì, quả thị, dẫu hoa thị, thị vệ, thị giác, thị thực, thị uy, kỳ thị, thị hiếu, yết thị, thị dục, Phạm Thị Thu, miệt thị, thị phi, đích thị, thị vệ, thị nữ, thị xã, v.v.

“Tr-i”: Bạ tri âm, bố trí, tri giác, trí mạng, tri phủ, trí sĩ, trí tuệ, thông tri, trí thức, trí trá, bảo trì, duy trì, đan trì, trì giới, trì hoãn, phù trì, thành trì, trì trọng, trụ trì, ấu trĩ, bệnh trĩ, chim trĩ, bình trị, cai trị, giá trị, trị liệu, trị tội, trị thủy, v.v.

C. Những Chữ Chỉ Được Viết với Nguyên âm “Y”

1. Những Chữ Có Các Vần Sau Đây Chỉ Được Viết với Nguyên Âm “Y”: ay, ây, oay, uây, uy, uya, uych, uyên, uyêt, uynh, uyt, uyu, yên, yêt, và ynh.

– Ay: Ấy náy, tụi bay, cay cú, ăn chay, day dứt, dạy bảo, đấy nôi, gay gắt, giày dép, hay chữ, khay nước, lay động, may mắn, nẩy mầm, ngay thật, nhay nháy, dao phay, quay mình, ray rút, say mê, tay chân, thay đổi, trảy (hái) quả mơ, vay nợ, xảy ra, v.v.

– Ây: Cái ấy, bây giờ, cây cảnh, cây đàn, chầy cối, dây thép, đây này, gậy gõ, giây phút, hây hây, lầy nhầy, máy quyền sách, nẩy mầm, ngây ngất, nhày nhựa, phây phây, quây quần, rây rà, sây đàn, tày trời, thây mẹ, trảy hội, vây cánh, xây nhà, v.v.

* Trường hợp sau đây là ngoại lệ vì chữ viết và đọc khác nhau nhưng có cùng một nghĩa: quả gánh, quả gánh, hay quây gánh (đều có cùng một nghĩa là gánh trên vai).

– Oay: Cái khoáy, loay hoay, nghỉ ngoáy, xoay vần, v.v.

– Uây: Khuây khỏa, ngoe nguây, v.v.

– Uy: Uy danh, cung thương giốc chủy vũ, duy ngã, huy hiệu, khuy áo, lũy tre, nguy cấp, suy nhược, tuy nhiên, thủy chung, truy tố, cỗ xúy, v.v.

– Uya: Thức khuya, v.v.

– Uych: Ngã uych, huých nhau, huỳnh huych, v.v.

– Uyên: Uyên bác, chuyên cần, duyên dáng, huyền não, khuyên bảo, luyện ái, nguyên chất, nhuyễn thể, bệnh suyễn, tuyên dương, thuyên chuyển, truyền thống, xuyên tạc, v.v.

– Uyêt: Chuyêt kiến (ý kiến thô thiên của tôi), duyệt binh, huyết mạch, khuyết điếm, nguyệt liễm, tuyệt diệu, thuyêt phục, điếm xuyêt, v.v.

– Uynh: Huynh đệ, khuynh hướng, luýnh quýnh, v.v.

– Uyt: Huýt sáo, lờm nguýt, xuýt chết, v.v.

– Uyu: Khuỷu tay, khúc khuỷu, ngã khuỷu, v.v.

– Yên (qu + yên): Quyên sinh, quýn thuộc, quyền lợi, chính quyền, lưỡng quyền, quyền quý, quyền sách, ống quyền, v.v.

– Yêt (qu + yêt): Cương quyêt, bí quyêt, hành quyêt, quyêt nghị, xảo quyêt, v.v.

– Ynh (qu + ynh): Mừng quỳnh, cây quỳnh, quỳnh bơi, quỳnh tương, v.v.

2. Những Chữ Sau Đây Chỉ Được Dùng Nguyên Âm “Y” Đứng Một Mình hay Đứng Đầu Mỗi Chữ:

– Nguyên Âm “Y” Đứng Một Mình:

Y đến rồi, y án, vàng y, qui y, chuân y hay y chuân, y hện; y hi, y sĩ, qui y, y theo, ý chí, ý định, ý nhị, ý kiến, ý nghĩa, ý thích, ý tứ, ý vị, ý mình, ý lại, ý quyền, béo y, v.v.

– Nguyên Âm “Y” Đứng Đầu Mỗi Chữ:

Yên hoạn (hoạn quan), yém thề, yểm bùa, cái yém, yểm trợ, v.v.; Yên Đổ (Nguyễn Khuyến), Bình yên, yên hà, yên xe, yên đồ (tử sắc yên đồ), yên trí, yến tiệc, yến oanh, yến sào, v.v.; con yêng; yét hầu, yét kiến, niêm yét, yét thị, yét hậu (lối thơ mà câu cuối cùng chỉ có một chữ), v.v.; yêu cầu, yêu chuộng, yêu đạo, yêu quái, yêu vận, phái yếu, yếu điểm, yếu tố, chết yêu, yếu điệu, yếu tướng, v.v.

3. Những Chữ Sau Chỉ Được Dùng Nguyên Âm “Y” Bằng Cách Ghép Phụ Âm Đơn với Nguyên Âm “y”:

– “H-y”: Hy Lạp, hy vọng, hy sinh, hy hãn, hý lộng, hý ngôn, hỷ lạc, hỷ nô, hỷ sự, v.v.

– “K-y”: Ký âm, bi ký, chữ ký, ký danh, ký giả, ký hiệu, ký lục, nhật ký, ký quỹ, ký sinh trùng, ký sự, ký tên, ký túc xá, ký thác, thư ký, ù ký ức, Bắc Kỳ, cầm kỳ thi họa, kỳ cục, kỳ cùng, cực kỳ, kỳ cựu, kỳ diệu, kỳ duyên, kỳ đà, kỳ đài, đến kỳ, kỳ đồng, kỳ được, kỳ ghê, kỳ hạn, kỳ hào, hiếu kỳ, học kỳ, kỳ khôi, kỳ khu, kinh kỳ, kỳ lạ, kỳ lão, kỳ lân, kỳ lưng, kỳ mục, Nam Kỳ, kỳ ngộ, phân kỳ, kỳ phùng địch thủ, kỳ quặc, kỳ quái, kỳ quan, quốc kỳ, kỳ thị, kỳ thú, kỳ thực, Trung Kỳ, kỳ vọng, kỷ cương, ghé trường kỷ, ích kỷ, kỷ luật, kỷ lục, kỷ niệm, kỷ nguyên, tự kỷ, thể kỷ, kỷ yếu; kỹ càng, kỹ nghệ, làm kỹ, kỹ nữ, ngũ kỹ, kỹ nhé, kỹ sư, kỹ thuật, nhà có kỹ (ngày giỗ), đồ kỹ, kỵ binh, kỵ gió, kỵ mã, kỵ nhau, kỵ sĩ, v.v.

– “L-y”: cái ly, ly biệt, quẻ ly, hồ ly, ly bôi (chén rượu uống lúc chia tay), ly dị, ly gián, ly hương, ly khai, ly kỳ, ly tán, giáo lý, lý ngư, cổ lý, hành lý, đào lý, lý lẽ, lý hóa, lý lịch, lý sự, lý tài, lý thuyết, lý trí, lý tưởng, lý trưởng, mạ ly, bệnh kiết ly, v.v.

– “M-y”: Bắc Mỹ, Mỹ Châu, Mỹ Quốc, Mỹ kim, hoa mỹ, mỹ sắc, thẩm mỹ, Mỹ Tho, mỹ thuật, mỹ tục, mỹ từ pháp, mỹ tửu, mỹ xảo, mỹ vị, mỹ viện, mỹ ý, v.v.

– “T-y”: Ty mật thám, công ty, tỳ tạng, tỳ kheo, tỳ vị, tỳ đối, tỳ hiềm, v.v.

III. Nguyên Tắc Đánh Dấu trong Tiếng Việt:

- Nếu một chữ có phụ âm đơn hay phụ âm kép ghép với một nguyên âm, thì các dấu phải đánh vào nguyên âm đó: bé, tá, phò mã, khí, xạ thủ, v.v.
- Nguyên âm “u” và “i” trong phụ âm kép “qu” và “gi” đã cùng với phụ âm “q” và “g” để biến thành phụ âm kép chứ không còn là một nguyên âm nữa. Chính vì thế mà hai phụ âm kép này ghép với 1 hay 2 nguyên âm thì các dấu phải đánh vào nguyên âm ở ngay sau phụ âm kép này: quý, quý, quá, quà, quả, quĩ quạ, già, giá, giữa, giác, giải, giả, v.v.
- Nếu trước 2 nguyên âm mà có phụ âm đơn hay kép và sau 2 nguyên âm này lại không có phụ âm nào thì các dấu phải đánh vào nguyên âm thứ nhất như: chùa, chúa, thúy, thùy, thúí, lữ, gào, góa, bùa, của, bùi, chúa, khói, khảo, khóa, lia, trào tráo, khéo, khỏe, khoe, chúi, thủy, và trụ, v.v.
- Trong một chữ có 2 hay 3 nguyên âm mà 1 nguyên âm đã có dấu sẵn như: ă, â, ê, ô, ơ, u, v.v. thì các dấu sắc, huyền, hỏi, ngã, và nặng phải đánh vào nguyên âm đó: thuê, thuận, thuyền, thườ, uyển chuyên, chữa, suyễn, diễm, truyện, diệu, v.v. Nếu 2 nguyên âm đều có dấu cả như “u và o” thì các dấu phải đánh lên nguyên âm thứ hai: tướng lãnh, thường lệ, thưởng phạt, dưỡng khí, thượng lộ, v.v.
- Nếu trong một chữ chỉ có 2 nguyên âm mà trước và sau 2 nguyên âm này đều có phụ âm đơn hay kép thì các dấu phải đánh vào nguyên âm thứ hai: đoán, khoáng, khoát, khoét, toàn, khoảng, loãng, loạn choạng, v.v.
- Khi một chữ tận cùng bằng 3 nguyên âm, thì các dấu phải đánh lên nguyên âm ở giữa như: thoái thác, ngoéo cổ, cười, bãi hoải, khúc khuỷu, choãi chân, hải ngoại, v.v.

IV. Tổng Kết

Những điều chúng tôi trình bày trên đây là có ý định giúp các bạn trẻ ở hải ngoại có tài liệu học hỏi về cách ghép vần với nguyên âm “i” và “y” cùng với cách đánh dấu tiếng Việt. Việc ghép vần và đánh dấu tiếng Việt hết sức là quan trọng. Chúng ta cần phải học hỏi và nghiên cứu mới thấu đáo được. Có thấu đáo được cách ghép vần và đánh dấu tiếng Việt thì mới giỏi tiếng Việt. Có giỏi tiếng Việt ta mới xứng đáng là người Việt và mới có cơ hội học hỏi về lịch sử, phong tục, và truyền thống của tổ tiên. Có như thế thì nước Việt của chúng ta mới thoát khỏi ách cộng sản. Có thoát khỏi ách cộng sản, nước ta mới hùng cường và toàn dân mới được hưởng dân chủ, tự do, nhân quyền, ấm no, và hạnh phúc muôn đời.

Canada, 2003

Khải Chính Phạm Kim Thu



Nguồn: Internet eMail by ddc chuyển

*Đăng ngày Thứ Ba, December 25, 2018
Ban Kỹ Thuật Khóa 10A-72/SQTB/ĐĐ, ĐĐ11/TĐ1ND, QLVNCH*